TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HS-PT
Ngày: 09/06/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Thẩm phán: Ông Cao Việt Hoàng và bà Nguyễn Thị Minh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 06 năm 2025, tại trụ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2025/TLPT-HS ngày 24 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Dương C, Đỗ Huy B do có kháng cáo của bị hại ông Trần Quốc C1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2025/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

* *Các bị cáo bị kháng cáo:*

1. Nguyễn Dương C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu F, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim X và bà Dương Thị L; có vợ là Nguyễn Thị T (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân:

+ Bản án số 111/2006/HSST ngày 24/07/2006 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Nguyễn Dương C 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự 1999. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

+ Bản án số 208/2015/HSST ngày 28/8/2015 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Nguyễn Dương C 26 tháng tù về tội "Tàng trữ

trái phép chất ma tuý" quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 18/01/2017.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Có mặt.

2. Đỗ Huy B, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đức T1 và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nguyễn Thị K và 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2024 đến ngày 15/01/2025, hiện tại ngoại. Có mặt.

- *Bị hại kháng cáo*: Ông **Trần Quốc C1**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại*: Ông Nguyễn Văn V - Luật sư Công ty L1, đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Anh **Nguyễn Hữu H,** sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

2. Chị **Trần Thị C2,** sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

1. Ông Nguyễn Chí N1 - Giám định viên, Trung tâm pháp y tỉnh B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác tuy nhiên không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Dương C và Trần Quốc C1 cùng có quan hệ tình cảm với chị Trần Thị C2. Buổi tối ngày 04/08/2024, ông C1 điều khiển xe máy đến khu nhà trọ của bà Lê Thị N2 tại thôn H, xã N, thị xã Q để tìm chị C2. Lúc này, C từ phòng trọ đi ra cổng thì gặp ông C1 đi vào và đến gần chiếc xe mô tô BKS: 99E1-290.75 của chị C2 đỗ trước cửa phòng số 13. Thấy vậy, C hỏi ông C1 "*vào đây làm gì*", ông C1 nói "*Xe máy Lead này của tôi*", C hỏi "*T2 có giấy tờ gì không?",* ông C1 trả lời "*Không có giấy tờ*", C nói *"Thế thì đi ra ngoài, ở khu trọ mất mát, đi ra ngoài*", tuy nhiên ông C1 không đi mà gọi điện thoại cho người quen nhờ đến lấy chiếc

xe máy về. C nói to "*Ông vào đây ăn trộm xe máy à*", ông C1 thấy vậy liền đi ra cổng để đi về, C đi theo và nói to "*Ông là ai, ông vào đây làm gì*". Do C biết ông C1 có quan hệ tình cảm với chị C2 nên bức xúc và có chửi nhau với ông C1 ở cổng khu trọ. Tại đây, C dùng tay trái túm cổ áo và dùng tay phải tát 01 cái vào má bên trái ông C1, rồi C chạy vào sân của khu trọ lấy 01 gậy bằng tre dài khoảng 01 mét, vụt nhiều cái vào vùng vai, bụng, tay của ông C1. Khi C đánh ông C1, Đỗ Huy B đang đứng nói chuyện cùng Nguyễn Hữu H ở gần đó, thấy C đánh ông C1 nên B chạy tới dùng tay đấm nhiều lần trúng vào mặt, đầu ông C1. Ông C1 bỏ chạy ra phía đầu ngõ thì bị B đuổi theo và giữ được ông C1, rồi C dùng tay túm cổ áo, túm tay kéo ông C1 về cổng khu nhà trọ. C tiếp tục dùng gậy tre vụt nhiều cái vào tay, người của ông C1, còn B thì dùng hai tay đấm nhiều cái vào vùng mặt, đầu của ông C1.

Sau đó, C kéo ông C1 vào trước cửa phòng 13 của khu nhà trọ, C tiếp tục dùng gậy tre vụt vào người ông C1 và hỏi "*Mày đến làm gì, mày ép buộc nó gì*", ông C1 xin tha nhưng C không đồng ý. C dùng gậy tre, B nhặt chiếc điếu cày bằng tre ở sân khu trọ đánh nhiều cái vào người ông C1. Chị C2 có đến can ngăn và xin C không đánh ông C1 nữa nhưng C không đồng ý. Khi chiếc gậy tre bị gãy, C vứt gậy tre đi và lấy 01 chiếc điếu cày tre ở cửa phòng trọ số 14 của khu trọ tiếp tục đánh ông C1 và bắt ông C1 ngồi xuống gốc cây. Thấy anh H từ đầu ngõ đi vào trong sân khu nhà trọ, C đưa cho anh H điện thoại của C và nói "*Mày quay cho chú*". Nghe thấy C nói vậy, H sợ và đồng ý cầm điện thoại quay video lại cho C. Lúc này, C tay phải cầm chiếc điếu cày bằng tre và hỏi ông C1 "*Mày có muốn ép buộc cái C2 nữa không*", B hỏi C "*Bác ơi chú ấy vào đây làm gì mà đánh*", C nói "*Nó định sờ cái xe*", rồi B cầm điếu cày vụt 01 cái trúng vào vùng mang tai ông C1. Chị C2 đứng chắn trước ông C1 can ngăn không cho C đánh thì bị B kéo ra ngoài. Bằng chửi ông C1 *"Đ.M mày, ý định của mày đến đây làm gì*" và cầm điếu cày vụt vào tay ông C1, còn C cầm điếu cày vụt 01 cái trúng vào mồm ông C1. Ông C1 đứng dậy đi ra sát tường đứng lấy tay ôm mặt, kêu đau và xin tha. C đi theo bắt ông C1 ngồi xuống và chửi "*Đ.M mày thích kêu không*?" rồi vụt tiếp 01 cái trúng vào vùng vai phải ông C1, còn B lao vào vụt tiếp khoảng 03 cái về phía người ông C1 nhưng do ông C1 giơ tay trái lên đỡ nên đều trúng vào bàn tay trái. Sau đó, C và B tiếp tục hỏi và dùng điếu cày đánh vào vùng tay, người của ông C1. Khi có tiếng chuông điện thoại của ông C1 reo lên, B bảo ông C1 bỏ điện thoại ra, ông C1 lấy từ trong túi quần ra chiếc điện thoại đưa cho C cầm xem thì thấy chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax đã bị vỡ hết màn hình, rồi C đưa lại cho ông C1. C và B tiếp tục dùng điếu cày đánh thêm nhiều cái nữa vào

người và chân, tay của ông C1 đến khoảng gần 01 giờ cùng ngày thì bắt ông C1 xin lỗi ở cổng khu nhà trọ, sau đó mới cho ông C1 ra về.

* Thương tích của ông Trần Quốc C1:

Tại giấy chứng nhận thương tích số 07 ngày 27/8/2024 của Trung tâm y tế thị xã Q thể hiện: *vết thương hở vùng trán kích thước khoảng 10x2 cm, chảy máu, bờ nham nhở; vết thương bàn tay phải kích thước 3x2 cm; gãy xương lá mía ở phần đầu; gãy xương chính mũi.*

Tại bản kết luận giám định số 96/KLTTCT-TTPY ngày 12/8/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Quốc C1:

"1. Các kết quả chính

Thương tích vùng trán đỉnh trái, cách cung lông mày 4,5 cm (trong vùng chân tóc), kích thước 5cm x 0,5cm, bờ mép không đều, còn chỉ khâu, bề mặt còn đóng vảy tiết, đang liền sẹo. Áp dụng chương 8 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.2. = 2%.

Thương tích mặt gan tay gốc ngón I bàn tay phải, kích thước 7cm x 0,2cm, bờ mép không đều, còn chỉ khâu, bề mặt còn đóng vảy tiết, đang liền sẹo. Áp dụng chương 8 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.2. = 2%.

Thương tích 1/3 trên cẳng chân phải, diện tổn thương 10cm x 7cm, trong diện tổn thương có vết rách da kích thước 6cm x 0,4cm, bề mặt còn đóng vảy tiết, đang liền sẹo. Áp dụng chương 8 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.2. = 2%.

2. Kết luận:

Căn cứ thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Quốc C1 tại thời điểm giám định là 6%

3. Kết luận khác:

+ Cơ chế là do tác động ngoại lực trực tiếp bởi vật tày sinh nhiều thanh có cạnh mảnh kích thước không đồng đều.

+ Đối với 02 chiếc điếu cày dài khoảng từ 60cm đến 80cm, đường kính khoảng 05cm và đoạn gậy tre trước và sau khi bị giập vỡ có thể gây ra các thương tích đã kết luận ở trên của ông Trần Quốc C1."

Tại bản kết luận giám định bổ sung số 114/KLTTCT-TTPY ngày 25/9/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Quốc C1:

"2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể giám định bổ sung:

Thương tích vùng đỉnh phải, cách đỉnh vành tai phải 10,5cm, kích thước 0,6cm x 0,5cm. Áp dụng chương 8 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.1. = 1%.

Thương tích vùng đỉnh-thái dương trái, cách đỉnh vành tai trái 3cm, kích thước 0,7cm x 0,6cm. Áp dụng chương 8 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.1. = 1%.

Thương tích vùng gò má trái, kích thước 2,5cm x 0,1cm, sẹo nông, liền sẹo tốt. Áp dụng chương 8 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.1. = 1%. Vùng mặt x3 = 3%

Thương tích 1/3 giữa vành tai trái, 03 vết kích thước lần lượt là 0,5cm x 0,1cm, 0,6cm x 0,1cm, 1cm x 0,1cm, vành tai không co rúm, liền sẹo tốt. Áp dụng chương 12 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương tai – mũi – họng. Mục I.5.1. = 2%.

Thương tích bả vai phải, vùng bả vai trái nhiều vết biến đổi loạn sắc tố da chạy song song. Áp dụng chương 8 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục V = 0,75%.

Thương tích 1/3 trên cánh tay phải nhiều vết biến đổi sắc tố da chạy song song. Áp dụng chương 8 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục V = 0,75%.

Thương tích 1/3 dưới đùi phải nhiều vết biến đổi sắc tố da kích thước 6cm x 1cm. Áp dụng chương 8 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục V = 0,75%.

Thương tích mặt trước cẳng chân trái 02 vết biến đổi rối loạn sắc tố da kích thước lần lượt là 4,8cm x 1,3cm và 7cm x 0,2cm. Áp dụng chương 8 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục V = 0,75%.

Gãy xương chính mũi, đã phẫu thuật nâng xương chính mũi. Áp dụng chương 12 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương tai – mũi – họng. Mục II.3.1 = 8%.

3. Kết luận:

Căn cứ thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Quốc C1 tại thời điểm được giám định bổ sung là: 17% (Mười bẩy phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ sở sau giám định bổ sung là: 22% (Hai mươi hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Kết luận khác: Không".

Ngày 07/8/2024, Công an thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh đã tiếp nhận đơn tố giác của ông Trần Quốc C1 về việc bị đánh gây thương tích, đồng thời ông C1 giao nộp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu I Phone 12 Promax màu đen bị hỏng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 7 màu đen bị hỏng.

Ngày 07/8/2024, B đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 08/8/2024, bà Lê Thị N2 giao nộp các mảnh tre bị giập vỡ từ 02 điếu cày và 01 đoạn gậy tre mà B, C sử dụng để gây thương tích cho ông C1.

Tại bản án số: 56/2025/HS-ST ngày 18/02/2025 của Toà án nhân dân thị xã Quế Võ đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Dương C và Đỗ Huy B phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Dương C 34 (ba mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2024.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Đỗ Huy B 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2025, bị hại ông Trần Quốc C1 kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo và yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử. Các bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS là đúng người, đúng tội, không oan. Vì vậy, các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét bác kháng cáo của bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bị hại là ông Trần Quốc Công trình B1: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án do bản án sơ thẩm còn bỏ lọt tội phạm, đề nghị tăng hình phạt đối với 2 bị cáo C và B, tăng mức bồi thường, ông C1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 2 tỷ đồng.

Người làm chứng là anh Nguyễn Hữu H trình bày, đêm ngày 5/8/2024 anh có cùng B đến phòng trọ của bị cáo C để rủ C đi chơi, sau đó anh có chứng kiến C và B đánh ông C1 ở khu vực phòng trọ của C, anh không tham gia đánh ông C1, quá trình đánh ông C1 thì bị cáo C có yêu cầu anh quay lại video việc C và B đánh ông C1, anh khẳng định anh không bàn bạc, hô hào, kích động, không tham gia đánh ông C1, sau khi quay video không phát tán lên mạng xã hội mà anh trả

lại điện thoại luôn cho C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khẳng định quá trình điều tra, truy tố, xét xử của cấp sơ thẩm là hoàn toàn đúng pháp luật. Không có căn cứ xác định chị C2 và anh H đồng phạm Cố ý gây thương tích với bị cáo C và B. Do vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại là ông Trần Quốc C1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Dương C, Đỗ Huy B nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại là luật sư Nguyễn Văn V trình bày quan điểm cho rằng: Việc kết luận giám định thương tích của ông C1 chưa đầy đủ và còn mâu thuẫn về kích thước vết thương ở trán ông C1 giữa giấy chứng nhận thương tích và kết luận giám định nên đề nghị giám định bổ sung, luật sư cho rằng hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Giết người" với tình tiết định khung là có tính chất côn đồ; Vụ án còn bỏ lọt người phạm tội đối với Trần Thị C2 là người chủ mưu, xúi giục và Nguyễn Hữu H là đồng phạm giúp sức. Việc các bị cáo đánh và giữ ông C1 gần 2 giờ đồng hồ, sau đó bắt ông C1 phải quỳ xin lỗi mới buông tha là cấu thành tội Làm nhục người khác và tội Giữ người trái pháp luật nhưng chưa được điều tra, truy tố là bỏ lọt tội phạm. Đề nghị không cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS vì tại phiên tòa hôm nay các bị cáo chưa thành khẩn khai báo. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả các bị cáo gây nên, bản án sơ thẩm xử bị cáo C 34 tháng tù giam là nhẹ và xử phạt Bằng 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là không đúng quy định của pháp luật vì hành vi phạm tội của các bị cáo có tính côn đồ, hung hãn nên đề nghị HĐXX xem xét hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại. Về phần trách nhiệm dân sự do ông C1 kháng cáo toàn bộ bản án, trong đó có phần bồi thường thiệt hại nên đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Ông Trần Quốc C1 nhất trí với quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của bị hại và không bổ sung gì thêm.

Đối đáp với ý kiến của Luật sư, đại diện Viện kiểm sát khẳng định:

Thứ nhất, kết luận giám định đã xác định rõ, đầy đủ các vết thương của bị hại. Trên thực tế kích thước vết thương hở khi bị đánh với kích thước vết thương khi đã liền sẹo là khác nhau nên việc kích thước vết thương ở trán của ông C1 trong giấy chứng nhận thương tích và trong kết luận giám định khác nhau là bình thường.

Thứ hai, luật sư cho rằng hành vi của các bị cáo phạm tội Giết người là không phù hợp vì các bị cáo không có ý thức tước đoạt mạng sống của ông C1. Bị hại là ông C1 bị thương tích 22% sức khỏe, trong đó có rất nhiều vết thương tỷ lệ thương tích rất thấp, chỉ có 1 vết thương tỷ lệ tổn thương là 8%, không có vết thương nào có cơ sở tước đoạt mạng sống của ông C1. Vì vậy, bản án sơ thẩm xử các bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích là có căn cứ.

Thứ ba, về bỏ lọt tội phạm đối với Trần Thị C2 và Nguyễn Hữu H, hiện nay chỉ có lời khai của bị hại là ông Trần Quốc C1 cho rằng H có tham gia đánh ông lúc ở khu vực bờ ao và C2 là người chủ mưu, xúi giục các bị cáo gây thương tích cho ông. Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như căn cứ kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa thì không có căn cứ nào khác để xác định có việc bỏ lọt tội phạm.

Thứ tư, về vấn đề bỏ lọt tội danh Làm nhục người khác và tội Giữ người trái pháp luật, đại diện Viện kiểm sát cho rằng hành vi của các bị cáo là liên tục, các bị cáo không có mục đích làm nhục hay giữ ông Công trái pháp luật mà các bị cáo chỉ có mục đích gây thương tích cho bị hại. Mặc dù các bị cáo có hành vi bắt ông C1 quỳ và xin lỗi nhưng hành vi này chưa đến mức cấu thành tội phạm độc lập. Vì vậy, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo phạm một tội Cố ý gây thương tích là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên luật sư đề nghị không cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là không phù hợp.

Thứ năm, về việc cấp sơ thẩm cho bị cáo B được hưởng án treo, đại diện Viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm cho bị cáo B được hưởng án treo là chưa nghiêm vì hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo chỉ có vai trò giúp sức, bản thân gia đình bị cáo B đang thờ cúng liệt sỹ, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị HĐXX xem xét giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo như quyết định của bản án sơ thẩm.

Thứ sáu, về trách nhiệm dân sự: do ở cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Nếu bị hại yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Các bị cáo tranh luận nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát và không đồng ý với quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía bị hại.

Quá trình đối đáp, Kiểm sát viên, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đều giữ nguyên quan điểm như đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không bị khiếu nại. Xét thấy đơn kháng cáo của bị hại nộp trong thời hạn pháp luật quy định nên được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo và bị hại phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 0 giờ 26 phút ngày 05/8/2024, tại khu trọ nhà bà Lê Thị N2 ở thôn H, xã N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh, mặc dù không có mâu thuẫn gì nhưng Nguyễn Dương C và Đỗ Huy B đã có hành vi dùng chân, tay, điếu cày, gậy tre đánh gây thương tích cho ông Trần Quốc C1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 22%. Do đó, hành vi của C và B đã cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, thuộc trường hợp "Dùng hung khí nguy hiểm" và "Có tính chất côn đồ".

Do vậy, Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Dương C, Đỗ Hữu B2 phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo bằng luật hình mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét các nội dung kháng cáo của bị hại ông Trần Quốc C1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

* *Về yêu cầu xem xét lại kết luận giám định thương tích chưa đầy đủ*: Quá trình giám định đã được thực hiện bởi cơ quan chuyên môn có thẩm quyền, theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Luật sư và bị hại cho rằng chưa được giám định đầy đủ và kết luận giám định còn mâu thuẫn về kích thước vết thương ở trán ông C1 so với giấy chứng nhận thương tích. Hội đồng xét xử nhận thấy, về vấn đề này Viện kiểm sát đối đáp là có căn cứ, vì kết luận giám định đã bao quát vùng tổn thương mà bị hại phản ánh, đã rõ ràng và đầy đủ, bản thân bị hại là ông C1 sau khi được thông báo kết luận giám định cũng không có thắc mắc, khiếu nại

gì. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận ý kiến của Luật sư đề nghị giám định bổ sung thương tích của bị hại là ông Trần Quốc C1.

** Về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại và truy tố các bị cáo về tội "Giết người":* Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: hành vi của các bị cáo xuất phát từ mâu thuẫn bộc phát, nhất thời, không có sự chuẩn bị trước về hung khí hay kế hoạch tước đoạt tính mạng bị hại. Các bị cáo không có lời nói, hành vi thể hiện ý chí tước đoạt mạng sống bị hại trước, trong hoặc sau khi gây án. Mặc dù các bị cáo có dùng hung khí tác động vào vùng đầu bị hại – là vùng nguy hiểm, song hậu quả thực tế là bị hại không chết mà chỉ bị thương tích, tỷ lệ tổn hại sức khỏe đã được giám định là 22%, các thương tích chủ yếu là tỷ lệ tổn thương nhỏ, chỉ có một vết thương tỷ lệ tổn thương là 8%. Mặc dù bị hại bị đánh, nhưng bị hại vẫn hoàn toàn tỉnh táo trong suốt quá trình xảy ra sự việc. Sau khi gây thương tích, các bị cáo đã không tiếp tục hành vi đến cùng mà để bị hại rời khỏi hiện trường, điều này càng thể hiện rõ các bị cáo không có ý thức tước đoạt tính mạng của bị hại. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng không có căn cứ cho thấy các bị cáo có ý thức chủ quan tước đoạt mạng sống bị hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Trần Quốc C1 và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, truy tố các bị cáo về tội giết người.

** Về nội dung kháng cáo cho rằng cơ quan tiến hành tố tụng bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Hữu H và Trần Thị C2*, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng và dữ liệu trích xuất từ camera giám sát tại hiện trường cho thấy không có căn cứ xác định Nguyễn Hữu H có hành vi đánh bị hại. Trong quá trình xảy ra vụ việc, khi bị hại bị đánh, Nguyễn Hữu H không tham gia cùng các bị cáo, H chỉ cầm điện thoại quay lại quá trình hành hung do bị cáo C nhờ. Đối với chị Trần Thị C2, chị C2 đã có hành động can ngăn khi bị hại bị đánh, không có lời nói, hành vi xúi giục hay kích động các bị cáo. Tại phiên tòa bị hại khai bị H đánh ở khu vực bờ ao nhưng H không thừa nhận, không có căn cứ nào khác xác định H đánh ông C1. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận phần kháng cáo này của bị hại.

** Về yêu cầu xem xét bỏ lọt tội danh "Làm nhục người khác" và "Giữ người trái pháp luật"*, Hội đồng xét xử nhận thấy: trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện các bị cáo có hành vi làm nhục ông C1 theo quy định tại Điều 155 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra cũng như

tại phiên tòa, ông C1 không cung cấp được chứng cứ nào có giá trị pháp lý để làm căn cứ xem xét. Việc các bị cáo bắt ông C1 quỳ xin lỗi và đánh ông C1 trong một khoảng thời gian nhưng không có mục đích làm nhục hay giữ ông Công trái pháp luật như Viện kiểm sát đã đối đáp. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận ý kiến của luật sư và nội dung kháng cáo này của bị hại.

* *Về trách nhiệm hình sự:* Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo C và xử phạt bị cáo C 34 tháng tù giam là phù hợp, không nhẹ. Tuy nhiên, đối với bị cáo B2 không có mâu thuẫn gì với ông C1 nhưng khi thấy bị cáo C đánh ông C1 thì B2 cũng xông vào dùng tay đấm ông C1, sau đó tiếp tục dùng điếu cày vụt nhiều nhát vào đầu, mặt và người ông C1 thể hiện rõ tính côn đồ, hung hãn, coi thường tính mạng sức khỏe của người khác, bất chấp pháp luật nhưng cấp sơ thẩm vẫn áp dụng Điều 65 BLHS để xử phạt bị cáo B2 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là chưa nghiêm khắc, chưa đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, không đúng quy định của pháp luật vì theo khoản 1 Điều 3 Nghị quyết của HĐTPTAND tối cao hướng dẫn về án treo thì bị cáo thuộc trường hợp không được hưởng án treo. Do đó, cần cách ly bị cáo B2 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng không cho bị cáo được hưởng án treo.

* *Về yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại*, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa hôm nay, ông C1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 2 tỷ đồng. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm bị hại là ông Trần Quốc C1 xác nhận đã nhận của gia đình các bị cáo số tiền là 95 triệu đồng và không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết về phần bồi thường dân sự nên cấp sơ thẩm đã không xem xét, giải quyết là đúng quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại lại kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường, do cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết vấn đề này nên không thuộc phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm. Nếu bị hại tiếp tục yêu cầu tăng mức bồi thường thì khởi kiện thành một vụ án khác.

[4]. Về án phí: Bị hại ông Trần Quốc C1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 347 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại ông Trần Quốc C1; sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2025/HS-ST ngày 18/02/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đỗ Huy B.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt **Nguyễn Dương C** 34 (Ba mươi tư) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2024.

Quyết định tạm giam Nguyễn Dương C 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm việc thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt **Đỗ Huy B** 30 (Ba mươi) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (09/6/2025) nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 7/8/2024 đến ngày 15/1/2025.

Quyết định bắt, tạm giam bị cáo Đỗ Huy B 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm việc thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Toà án: Bị hại ông Trần Quốc C1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 – CA tỉnh Bắc Ninh;
- CQĐT; VKS; TAND thị xã Quế Võ;
- Bị cáo, người tham gia TT (qua đường công văn);
- Lưu HS; Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hòa